TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CÁI RĂNG,** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/HNGĐ-ST
Ngày 27-4-2023
V/v: Tranh chấp chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CÁI RĂNG, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Nguyễn Thị Phương Oanh.

2/ Bà Trần Ngọc Sáng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hoài Anh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Tô Minh Phú – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 100/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp "chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Nh (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu vực ThH, phường ThTh, quận C, thành phố C.

Đại diện hợp pháp: Ông Huỳnh N (Vắng mặt) và bà Võ Thị Bích Tr (Có mặt).

Địa chỉ: Đường TV, phường HL, quận N, thành phố C.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 16/3/2022).

Bị đơn: Ông Nguyễn Phương Th (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu vực ThH, phường ThTh, quận C, thành phố C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thảo Ngh (Có đơn xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khu vực ThH, phường ThTh, quận C, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nh (có ông N, bà Tr đại diện) trình bày: Trong thời kỳ hôn nhân bà Nh với ông Th tạo lập được tài sản chung thửa đất 1547, diện tích 54m^2 (CLN), tờ bản đồ số 7A tại Khu vực Thạnh Hòa, phường Thường Thạnh, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 468282, số vào sổ H 01212 Ủy ban nhân dân quận Cái Răng cấp ngày 12/7/2007). Ông bà đã ly hôn và được Tòa án nhân dân quận Cái Răng ban hành Bản án số 15/2017/HNST ngày 21/3/2017, còn tài sản chung thì không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Năm 2017 bà từng khởi kiện chia tài sản chung nhưng rút đơn, đã được Tòa án đình chỉ giải quyết bằng Quyết định số 24/2018/QĐST-HNGĐ ngày 14/6/2018. Trong thời gian này, vào ngày 30/5/2018 bà với ông Th có Bản thỏa thuận mỗi người sẽ phân chia căn nhà trên làm 02 phần, vách riêng để ở nhưng trong suốt thời gian chung sống ông Th là người giữ bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã lạm dụng bạo lực tinh thần, thường xuyên mắng chửi, khóa cửa đuổi ra khỏi nhà, không cho mẹ con bà ở, gây khó khăn trong sinh hoạt hằng ngày.

Nay bà khởi kiện yêu cầu chia đôi tài sản trên, bà nhận giá trị, giao ông quản lý, sử dụng đất và tài sản trên đất.

Bị đơn ông Th trình bày: Theo Đơn trình bày ngày 24/6/2022 sau khi ly hôn ông bà có thỏa thuận chia đôi tài sản chung (Bản thỏa thuận ngày 30/5/2018), sau đó xây tường riêng ngăn làm 02 căn nhỏ để mỗi người ở một bên.

Tiến trình tố tụng, Tòa án tiến hành đo đạc, định giá tài sản vào ngày 16/02/2023 nhưng không được do ông Th vắng mặt, nhà khóa cửa không ai trông coi.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 16/3/2023 ông Th có mặt, có lời trình bày và được Tòa án ghi nhận nhưng không chịu ký tên, bỏ ra về. Sự việc này được ghi nhận và lập thành văn bản, có người làm chứng.

Diễn biến tại phiên tòa, đại diện bà Nh yêu cầu chia ½ giá trị tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân theo Chứng thư thẩm định giá của Công ty TNHH Thẩm định giá và Đào tạo Song Pha là 103.086.000 đồng. Đối với giá trị căn nhà thì rút yêu cầu, không chia nữa mà giao cho ông quản lý, sử dụng.

Chị Ngh có đơn xét xử vắng mặt, ông Th vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39, 68, 93, 96, 97, 179, 195, 196 và 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bà Nh rút yêu cầu chia giá trị căn nhà tự nguyện, không trái pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận, đình chỉ xét xử đối với phần rút yêu cầu này. Theo trình bày ông bà thì quyền sử dụng đất thửa 1547 là tài sản chung vợ chồng có được trong thời kỳ hôn nhân, khi ly hôn chưa chia và hiện chưa ghi nhận thế chấp bảo đảm nên mỗi người được nhận ½ giá trị theo Chứng thư thẩm định giá. Do ông Th đang giữ bản gốc Giấy chứng nhận và đang sinh sống, cư trú trên phần đất này và theo yêu cầu của bà Nh cần thiết giao cho ông Th tiếp tục quản lý, sử dụng. Ông phải hoàn trả cho bà Nh 103.086.000 đồng. Từ những phân tích trên, căn cứ Điều 59, 62 Luật Hôn nhân và Gia đình xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Nh có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và án phí đề nghị xem xét đương sự chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công khai tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nh và ông Th là vợ chồng hợp pháp đăng ký kết hôn vào năm 1999, ly hôn vào ngày 21/3/2017 theo Bản án số 15/2021/HNST của Tòa án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ. Thời kỳ hôn nhân ông bà tạo lập được tài sản chung là quyền sử dụng đất diện tích 54m^2 (CLN) thuộc thửa 1547, tờ bản

đồ số 7A tại Khu vực Thạnh Hòa, phường Thường Thạnh, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 468282, số vào sổ H 01212 Ủy ban nhân dân quận Cái Răng cấp ngày 02/7/2007. Trên đất có căn nhà cấp 4 hiện do ông Th quản lý, sử dụng. Theo Bản án có hiệu lực pháp luật, khi ly hôn tài sản chung này chưa chia nên bà Nh yêu cầu chia 1/2 giá trị tài sản chung nhà, đất theo quy định pháp luật. Theo yêu cầu khởi kiện và lời khai đương sự, Tòa án thụ lý giải quyết theo thẩm quyền, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân quy định tại Khoản 2 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 38 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

[2] Chị Ngh là con bà Nh, ông Th có thời gian cư trú trên tài sản này. Tuy nhiên, theo lời khai và tại thời điểm xem xét, thẩm định tại chỗ chị Ngh đã không còn sinh sống tại đây nhưng chị vẫn có yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn mở phiên tòa xét xử vắng mặt đối với chị.

[3] Theo quy định tại Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 thì quyền sử dụng đất mà vợ, chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng. Do bà Nh, ông Th không thỏa thuận được chia tài sản chung và một trong các bên có đơn khởi kiện nên Hội đồng xét xử áp dụng nguyên tắc chia tài sản chung của vợ chồng theo quy định tại Khoản 2, 3 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 để giải quyết. Trong thời kỳ hôn nhân công sức đóng góp của ông bà vào việc hình thành tài sản này là như nhau nên được chia đôi. Tuy nhiên, do bà Nh yêu cầu nhận giá trị đất và giao toàn bộ diện tích đất, căn nhà trên đất lại cho ông Th quản lý, sử dụng. Bản thân ông Th cũng không có chỗ ở nào khác, cũng mong muốn tiếp tục cư trú trên tài sản này nên việc giao cho ông nhận toàn bộ diện tích nhà, đất là phù hợp. Theo Chứng thư thẩm định giá số 040323/CT-SP ngày 09/3/2023 giá trị thị trường thửa đất 1547 là 206.172.000 đồng, như vậy bà Nh được nhận 103.086.000 đồng, ông Th phải hoàn trả cho bà Nh số tiền này. Ông Th được quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất và căn nhà trên đất theo Giấy chứng nhận đã cấp cho ông.

[4] Việc xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản không thực hiện được do ông Th không hợp tác, Chứng thư thẩm định giá cũng không xác định được giá trị căn nhà. Tại phiên tòa đại diện bà Nh nộp đơn rút yêu cầu phần này, không khởi kiện lại thành vụ án khác nên xem đây là sự tự nguyện định đoạt của

đương sự, không vi phạm điều cấm, không trái pháp luật phù hợp với quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự nên ghi nhận. Căn cứ Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[5] Căn cứ quy định tại Điều 147, Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự chi phí đo đạc, định giá tài sản bà Nh tạm ứng tổng cộng 7.250.000 đồng. Bà Nh, ông Th mỗi người đều được hưởng giá trị như nhau nên phải chịu một nửa chi phí này. Do bà Nh đã tạm ứng nên ông Th phải trả lại cho bà Nh 3.625.000 đồng. Ngoài ra, bà Nh và ông Th mỗi người còn phải chịu 5.154.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền bà Nh tạm ứng 2.500.000 đồng theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008430 ngày 25/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng, bà Nh phải nộp thêm 2.654.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5, Khoản 2 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Khoản 2 Điều 244, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điều 33, Điều 38, Khoản 2, 3 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Nh.

Buộc ông Nguyễn Phương Th hoàn trả giá trị tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân cho bà Trần Thị Nh 103.086.000 đồng.

Sau khi hoàn thành nghĩa vụ trả tiền cho bà Trần Thị Nh 103.086.000 đồng, ông Nguyễn Phương Th được quyền sử dụng toàn bộ quyền sử dụng đất và căn nhà cấp 4 trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 468282, số vào sổ H 01212 đối với diện tích 54m^2 (CLN), thửa 1547, tờ bản đồ số 7A thuộc Khu vực Thạnh Hòa, phường Thường Thạnh, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 468282, số vào sổ H 01212 Ủy ban nhân dân quận Cái Răng cấp ngày 02/7/2007 cho ông Nguyễn Phương Th.

Đình chỉ xét xử yêu cầu chia giá trị căn nhà cấp 4 trên thửa đất 1547, tờ bản đồ số 7A thuộc Khu vực Thạnh Hòa, phường Thường Thạnh, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 468282, số

vào sổ H 01212 Ủy ban nhân dân quận Cái Răng cấp ngày 02/7/2007 cho ông Nguyễn Phương Th.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và án phí: Buộc ông Nguyễn Phương Th hoàn trả cho bà Trần Thị Nh tiền đo đạc, định giá tài sản 3.625.000 đồng.

Bà Trần Thị Nh, ông Nguyễn Phương Th mỗi người phải chịu 5.154.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền bà Nh đã tạm ứng 2.500.000 đồng theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008430 ngày 25/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng, bà Nh phải nộp thêm 2.654.000 đồng. Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Về quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dânTp. Cần Thơ;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Cần Thơ;
- Viện kiểm sát nhân dân Q. Cái Răng;
- CCTHADS Q. Cái Răng;
- Lưu: Hồ sơ (TC: 14).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Minh Mẫn